

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ ĐÀO

Trường Cao đẳng Công Thương TP.Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Nghiên cứu này thu thập dữ liệu từ 25 ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2015 - 2022. Nghiên cứu sử dụng chỉ số z-score làm thước đo cho sự ổn định tài chính của các ngân hàng và từ kết quả hồi quy của mô hình nghiên cứu, đề tài đã xác định được các nhân tố tổng tài sản, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có tác động cùng chiều đến sự ổn định tài chính của ngân hàng thương mại; trong khi tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế có tác động theo chiều ngược lại. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy không có ảnh hưởng đáng kể của tốc độ tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản đến sự ổn định tài chính của ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Từ khóa: ổn định tài chính, Z-score, ngân hàng thương mại, hồi quy dữ liệu bảng.

1. Đặt vấn đề

Đối với bất kỳ hệ thống tài chính nào trên thế giới, sự ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại rất quan trọng. Do đó, ổn định tài chính cũng là ưu tiên hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách trong việc giám sát và kiểm soát hệ thống tài chính.

Việc xác định những nhân tố có ảnh hưởng đến mức độ ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam và mức độ tác động của chúng tới sự ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam là rất cần thiết. Đề tài “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam” được thực hiện nhằm đạt mục đích được đề cập ở nội dung trên.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm sự ổn định tài chính

Trên thế giới hiện nay có rất nhiều định nghĩa về ổn định tài chính:

Theo Ngân hàng Trung ương Việt Nam, thuật ngữ “ổn định tài chính” bao gồm nội hàm các yếu tố:

- Thị trường tài chính, các định chế tài chính và hạ tầng tài chính của hệ thống tài chính thực hiện các chức năng “thông suốt”, góp phần phân bổ có hiệu quả nguồn lực của nền kinh tế.

- Đánh giá chính xác rủi ro các cấp độ hệ thống cần được và quản lý hiệu quả, tránh khả năng sụp đổ hệ thống tài chính.

- Để đảm bảo duy trì ổn định của hệ thống tài chính, các cơ quan nhà nước trong hệ thống giám

sát tài chính quốc gia phải có sự phối hợp, trong đó ngân hàng trung ương là cơ quan có vai trò chủ đạo trong việc thực hiện chức năng ổn định tài chính.

2.2. Phương pháp đo lường mức độ ổn định tài chính của ngân hàng

Chỉ số z-score:

Theo định nghĩa của World Bank, chỉ số z-score phản ánh xác suất vỡ nợ của ngân hàng thương mại. Chỉ số z-score so sánh vốn đệm của một ngân hàng thương mại gồm vốn chủ sở hữu và lợi nhuận, đối với sự biến động của những lợi nhuận đó. Chỉ số z-score càng cao thể hiện sự ổn định tài chính càng cao trong hệ thống ngân hàng và rủi ro mất khả năng thanh toán thấp.

Chỉ số z-score được tính theo công thức:

$$Z\text{-score} = \frac{ROA + AE}{sd(ROA)}$$

Trong đó: ROA là tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản, là chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lợi trên mỗi đồng tài sản của công ty; EA là tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản.

Chỉ số z-score cung cấp cái nhìn toàn diện về ổn định tài chính của ngân hàng, từ khía cạnh tổng hợp đến khía cạnh rủi ro cụ thể và khả năng thanh toán các biến số trong mô hình nghiên cứu.

2.3. Các yếu tố tác động đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam

Biến phụ thuộc: Chỉ số z-score - Chỉ số Z-Score hay còn gọi là hệ số nguy cơ phá sản được đưa ra đầu tiên vào năm 1968 bởi giáo sư EdWard I. Altman, thuộc Trường Đại học tại New York. Hệ số này dùng để dự đoán khả năng phá sản hay khả năng vỡ nợ của một công ty trong 2 năm sắp tới.

Các biến độc lập:

a. Tổng tài sản - TS

Tổng tài sản có thể đại diện cho quy mô của ngân hàng; ngân hàng có tài sản càng lớn thì quy mô của nó càng lớn. Đây là một trong những tiêu chí để đánh giá sức mạnh nguồn lực tài chính của hoạt động kinh doanh của các ngân hàng.

b. Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu - ROE

ROE - Return on common equity tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu

Công thức: $ROE = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Vốn chủ sở hữu}$

Chỉ số này là thước đo chính xác để đánh giá một đồng vốn bỏ ra sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Tỷ lệ ROE càng cao, chứng tỏ ban điều hành của ngân hàng thương mại đó sử dụng đồng vốn càng hiệu quả.

c. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản - EA

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có thể đại diện cho tiềm lực bên trong của các ngân hàng thương mại, cho thấy sự tự chủ tài chính của các ngân hàng.

d. Tốc độ tăng trưởng tín dụng - TD

Theo nghiên cứu của Lane P. R., McQuade P. (2014), tăng trưởng tín dụng là sự gia tăng trong giá trị dư nợ cho vay trong khu vực tư nhân gồm các cá nhân và các tổ chức tín dụng.

e. Tỷ lệ dư nợ cho vay khách hàng - DN

Tỷ lệ dư nợ cho vay này thể hiện khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng. Ngoài ra, nó cũng thể hiện khả năng bù trừ của ngân hàng trong việc bù những khoản lỗ từ các khoản nợ xấu.

f. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế - LN

Lợi nhuận sau thuế - Profit after tax là khoản lợi nhuận cuối cùng của một doanh nghiệp sau khi đã trừ tất cả chi phí và khoản thuế thu nhập phải nộp, là thước đo tài chính quan trọng để đánh giá một doanh nghiệp có đang hoạt động hiệu quả hay không.

3. Dữ liệu và mô hình nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu của đề tài này là dữ liệu bảng bao gồm 25 ngân hàng TMCP tại Việt Nam. Nhóm tác giả đã tiến hành thu thập dữ liệu từ báo cáo tài chính và báo cáo thường niên theo năm của các ngân hàng tại các trang web chính thức của các ngân hàng giai đoạn 2015 - 2022. Đề tài sử dụng phần mềm Stata 17.0 để phân tích và ước lượng các mô hình hồi quy OLS, FEM, REM.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên nghiên cứu của Lê Ngọc Quỳnh Anh và cộng sự (2020), nghiên cứu đề xuất mô hình hồi quy để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự ổn

định tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, như sau:

$$Z_{it} = \beta_0 + \beta_1 LTS_{it} + \beta_2 ROE_{it} + \beta_3 EA_{it} + \beta_4 TD_{it} + \beta_5 DN_{it} + \beta_6 LN_{it} + \mu_{it}$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc: Z_{it} là chỉ số z-score của ngân hàng i tại năm t

Biến độc lập:

LTS_{it} : logarit tự nhiên của tổng tài sản của ngân hàng i tại năm t

ROE_{it} : tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của ngân hàng i tại năm t

EA_{it} : tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản của ngân hàng i tại năm t

TD_{it} : tốc độ tăng trưởng tín dụng của ngân hàng i tại năm t

DN_{it} : tỷ lệ dư nợ cho vay khách hàng trên tổng tài sản của ngân hàng i tại năm t

LN_{it} : tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của ngân hàng i tại năm t

β_0 : hệ số chặn của mô hình; β_j ($j = 1, 2, \dots, 6$): hệ số góc tương ứng với các biến độc lập trong mô hình; μ_{it} : sai số ngẫu nhiên của mô hình

3.3. Bảng mô tả các biến (Bảng 1)

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Từ Bảng 2 mô tả ở trên, ta thấy:

Z (z-score) - vùng biến động của chỉ số này là từ 0 đến 98,29 và giá trị trung bình là 10,69 cho thấy sự ổn định không đồng đều giữa các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, mức trung bình của Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2022.

LTS - logarit tự nhiên của tổng tài sản biến thiên trong khoảng 9,78 - 14,56 với giá trị trung bình là 12,16 và độ lệch chuẩn 1,13, có thể thấy quy mô ngân hàng của Việt Nam tương đối đồng đều.

ROE - tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của các ngân hàng đạt giá trị từ -4% từ 71%, tuy nhiên mức trung bình lại là 11% với độ lệch chuẩn 8%, về cơ bản ROE biến động một cách ổn định khi đa số các ngân hàng đều duy trì ở mức xung quanh từ 8% đến 11%.

EA - tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản đạt giá trị cao nhất là 20% và thấp nhất là 3% với mức trung bình là 8% lại một lần nữa khẳng định việc sử dụng đòn bẩy cao là một trong những đặc trưng nổi bật nhất trong cơ cấu vốn của ngân hàng.

TD - tỷ lệ tăng trưởng tín dụng qua các năm của

Bảng 1. Mô tả và đo lường các biến trong mô hình

Biến	Ký hiệu	Cách đo lường	Nguồn dữ liệu
z-score	Z	$Z\text{-score} = \frac{ROA + AE}{sd(ROA)}$	Tính toán dựa trên BCTC và báo cáo thường niên của ngân hàng
Tổng tài sản	LTS	Logarit tự nhiên của tổng tài sản	BCTC của ngân hàng
Tỷ suất sinh lợi/vốn chủ sở hữu	ROE	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Tính toán dựa vào BCTC và BCTN của ngân hàng
Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	EA	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	Tính toán dựa vào BCTC và BCTN của ngân hàng
Tốc độ tăng trưởng tín dụng	TD	Dư nợ cho vay kì hiện tại/ dư nợ cho vay kì trước -1	Tính toán dựa vào BCTC và BCTN của ngân hàng
Dư nợ cho vay/tổng tài sản	DN	Dư nợ cho vay của khách hàng/ tổng tài sản	Tính toán dựa vào BCTC và BCTN của ngân hàng
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận	LN	Lợi nhuận sau thuế kỳ hiện tại/ Lợi nhuận sau thuế kỳ trước - 1	Tính toán dựa vào BCTC và BCTN của ngân hàng

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến trong mẫu nghiên cứu

Biến số	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	GTNN	GTLN
Z	200	10.69692	17.63551	0	98.2924
LTS	200	12.16193	1.129681	9.78407	14.56721
ROE	200	.1138886	.0809895	-.0459247	.7149193
EA	200	.0816083	.0304111	.0387233	.2098406
TD	200	.2473642	.9906286	-.8795696	13.95312
DN	200	1.112078	1.890681	.0757256	12.23775
LN	200	.06110412	1.585165	-1.531498	12.42045

Nguồn: Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA

các ngân hàng biến động từ -0,88 đến 13,95 với giá trị trung bình là 0,2 cho thấy tăng trưởng không đồng đều giữa các ngân hàng.

DN - tỷ lệ dư nợ cho vay khách hàng trên tổng tài sản dao động từ 0,075 đến 12,24 và giá trị trung bình ở mức 1,11 và độ lệch chuẩn là 1,89 cho thấy đa số các ngân hàng giữ tỷ lệ cho vay khách hàng trên tổng tài sản khá cao.

LN - tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của các ngân hàng Việt Nam có vùng biến động từ -1,5 đến 12,4 với giá trị trung bình ở mức 0,6 và độ lệch chuẩn ở mức 1,58. Theo thống kê bổ sung từ dữ liệu thu thập được thì đa số các ngân hàng đều đạt tăng trưởng lợi nhuận âm trong khoảng giai đoạn 2016-2022, tức ngay sau cuộc khủng hoảng tài chính và các ngân hàng vẫn đang phải xoay sở để khắc phục hậu quả từ cuộc khủng hoảng đã gây ra.

4.2. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

❖ Kiểm định đa cộng tuyến

Để thực hiện kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến, tác giả sử dụng hệ số phóng đại phương sai VIF lấy từ kết quả chạy lệnh trong phần mềm STATA. Kết quả kiểm định ở Bảng 3 cho thấy giá trị các hệ số VIF đều khá thấp (cao nhất là 1,59 và trung bình là 1,24). Điều này có thể đưa đến kết luận mô hình nghiên cứu không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

❖ Tổng hợp kết quả hồi quy:

Từ kết quả hồi quy của Bảng 4, lần lượt các mô hình hồi quy được thể hiện như sau: (1) OLS; (2) REM và (3) FEM. Qua các kiểm định của mô hình, mô hình hồi quy theo phương pháp bình

Bảng 3. Hệ số phóng đại phương sai VIF

Variable	VIF	1/VIF
LTS	1.59	0.628668
ROE	1.41	0.708281
EA	1.22	0.817249
LN	1.15	0.868312
DN	1.07	0.937819
TD	1.01	0.986936
Mean VIF	1.24	

Nguồn: Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA

phương bé nhất là mô hình tốt nhất được lựa chọn. Từ đó, ta có thể trình bày kết quả của mô hình như sau:

$$\begin{aligned} \text{Zit} = & -74,5 + 5,696 \cdot \text{LTSit} + 41,34 \cdot \text{ROEit} \\ & + 143,9 \cdot \text{EAit} - 1,676 \cdot \text{LNit} \end{aligned}$$

Biến LTS có tác động cùng chiều (5,696) đến chỉ số z-score và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Điều đó có nghĩa khi biến quy mô tổng tài sản thay đổi 1% sẽ dẫn tới sự thay đổi 0,056 đơn vị trong chỉ số z-score theo cùng chiều. Điều này chứng tỏ các ngân hàng có quy mô càng lớn thì càng đạt được sự ổn định tài chính vững mạnh.

Biến ROE có tác động cùng chiều (41,340) đến chỉ số z-score và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, tức khi ROE tăng (giảm) 1 đơn vị thì chỉ số z-score sẽ tăng (giảm) 41,340 đơn vị. ROE có mối quan hệ mật thiết với ROA, là một trong những chỉ số dùng để tính toán z-score nên kết quả này là hoàn toàn phù hợp.

Bảng 4: Kết quả hồi quy

Biến số	(OLS) Z	(REM) Z	(FEM) Z
LTS	5.696*** (4.63)	12.12** (3.12)	5.696*** (4.63)
ROE	41.34* (2.56)	0.222 (0.01)	41.34* (2.56)
EA	143.9*** (3.59)	158.2* (2.19)	143.9*** (3.59)
TD	1.642 (1.47)	0.974 (0.83)	1.642 (1.47)
DN	0.0808 (0.13)	-0.0480 (-0.03)	0.0808 (0.13)
LN	-1.676* (-2.25)	-0.758 (-0.88)	-1.676* (-2.25)
_Cons	-74.50*** (-4.63)	-149.3** (-3.23)	-74.59*** (-4.63)
N	200	200	200
R-sq	0.248	0.123	

*Ghi chú: Dấu sao *, ** và *** biểu thị ý nghĩa thống kê lần lượt ở mức 10%, 5% và 1%*

Nguồn: Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA

Biến EA có tác động cùng chiều (143,937) đến chỉ số z-score với mức ý nghĩa 5%. Điều này hàm ý khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản tăng (giảm) 0,1 đơn vị thì chỉ số z-score sẽ tăng (giảm) 14,39 đơn vị. Điều đó cũng đồng nghĩa tỷ lệ EA có tác động tích cực đến mức độ ổn định tài chính của các ngân hàng.

Biến TD có tác động cùng chiều (1,642) đến chỉ số z-score nhưng không có ý nghĩa thống kê nên tác giả chưa thể đưa ra kết luận về sự ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng tín dụng đến sự ổn định tài chính của ngân hàng.

Biến DN có tác động cùng chiều (0,08) đến chỉ số z-score nhưng không có ý nghĩa thống kê nên tác giả chưa thể đưa ra kết luận về sự ảnh hưởng của dư nợ khách hàng trên tổng tài sản đến sự ổn định tài chính của ngân hàng.

Biến LN có tác động ngược chiều (1,676) đến chỉ số z-score với mức ý nghĩa 5% cho thấy khi biến tốc độ tăng trưởng thay đổi 1 đơn vị thì chỉ số z-score sẽ thay đổi 1,675 đơn vị theo chiều ngược lại. Điều này chứng tỏ, khi tốc độ tăng trưởng lợi nhuận tăng lên sẽ dẫn tới rủi ro vô cùng lớn đối với sự ổn định tài chính của ngân hàng.

5. Thảo luận và kết luận

Từ kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu, tác giả đã xác định được các nhân tố tổng tài sản, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có tác động cùng chiều đến sự ổn định tài chính của ngân hàng thương mại, trong khi tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế có tác động theo chiều ngược lại.

Để duy trì sự ổn định tài chính, các ngân hàng cần có chiến lược quản lý tài sản và nợ vay hợp lý, đồng thời chú trọng đến việc duy trì chất lượng tín dụng và tối ưu hóa lợi nhuận. Một số đề xuất cụ thể nhằm duy trì và đạt được sự ổn định tài chính như sau:

Về tổng tài sản: các ngân hàng cần tối ưu hóa việc quản lý tài sản, đặc biệt là tài sản có tính thanh khoản cao, để đảm bảo khả năng chi trả trong các tình huống khẩn cấp;

Về tỷ suất sinh lợi/vốn chủ sở hữu (ROE): các ngân hàng cần duy trì tỷ suất ROE ở mức hợp lý để vừa đảm bảo khả năng sinh lợi, vừa tránh tình trạng gia tăng nợ vay làm giảm chất lượng tài chính.

Về vốn chủ sở hữu/tổng tài sản: ngân hàng cần tăng cường việc huy động vốn chủ sở hữu qua các kênh như phát hành cổ phiếu hoặc các công cụ tài chính khác, đồng thời duy trì tỷ lệ này theo các chuẩn quốc tế như Basel III.

Về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận: các ngân hàng cần duy trì sự tăng trưởng lợi nhuận bền vững, tránh tăng trưởng quá nhanh mà thiếu cơ sở tài chính vững chắc, đồng thời phải có chiến lược dài hạn trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đặng Văn Dân (2015). Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Tạp chí Tài chính, 1(11), 62-66.

Fernandez de Guevara, J., Maudos, J., & Perez, F. (2005). Market power in European banking sectors. *Journal of Financial Services Research*, 27, 109-137.

Lê Cao Hoàng Anh và Nguyễn Thu Hằng (2012). Kiểm định mô hình chỉ số Z của Altman trong dự báo thất bại doanh nghiệp tại Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 742, 3-9.

Tabak B., Fazio D., Cajueiro D. (2012). The relationship between banking market competition and risk-taking: Do size and capitalization matter?. *Journal of Banking and Finance*, 36(12), 3366-3381.

Trần Ngọc Trâm (2013). Phân tích những biểu hiện gian lận BCTC thông qua sự kết hợp chỉ số Z và chỉ số P của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 23/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/2/2025

A STUDY ON THE FACTORS AFFECTING THE FINANCIAL STABILITY OF COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM

● NGUYEN THI DAO

Ho Chi Minh City Industry and Trade College

ABSTRACT:

This study aims to identify the key factors influencing the financial stability of commercial banks in Vietnam. The research utilizes panel data collected from 25 joint-stock commercial banks over the period 2015 - 2022. The Z-score is employed as a proxy for measuring financial stability. Based on the regression analysis results, the study finds that total assets, return on equity (ROE), and the equity-to-total assets ratio have a positive impact on the financial stability of commercial banks. In contrast, the growth rate of post-tax profit exerts a negative influence. Additionally, the study reveals that credit growth, and the loan-to-total assets ratio do not have a statistically significant effect on financial stability. These findings provide empirical evidence for both policymakers and banking managers in their efforts to enhance the stability of the banking system in Vietnam.

Keywords: financial stability, Z-score, commercial banks, panel data regression.